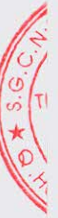


# **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

Ngày 30 tháng 06 năm 2015



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 42

01/0

1/01  
ERI

01/0

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt), là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2007, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ, theo đó:

- ▶ Tên của Công ty được đổi thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- ▶ Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 25 tỷ đồng Việt Nam lên 50 tỷ đồng Việt Nam; và
- ▶ Thành viên sáng lập của Công ty là Tập đoàn Bảo Việt.

Vào ngày 22 tháng 04 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 08/GPĐC\_UBCL, theo đó Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Ông Đậu Minh Lâm – Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên).

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014
Bà Trần Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Hatawaki Mutsuhiro	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2013

### KIỂM SOÁT VIÊN

Các kiểm soát viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Vũ Thị Hạnh	Kiểm soát viên trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2014

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đậu Minh Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2015
Ông Bùi Tuấn Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2015

ẤN  
HỘI  
CÔNG  
TY  
NHÀ  
QUẢN  
LÝ  
QUỸ  
TẠI  
KI

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 10 tháng 4 năm 2015 là ông Bùi Tuấn Trung – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 đến ngày lập báo cáo này là ông Đậu Minh Lâm - Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Đ  
H  
I  
G  
Ệ  
M  
&  
T  
H  
À  
M



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Đậu Minh Lâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2015



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/17880298-HY/LR

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Saman Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

  
Trịnh Hoàng Anh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>66.966.247.908</b>	<b>63.314.994.457</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.263.515.247</b>	<b>562.079.342</b>
111	1. Tiền		1.263.515.247	562.079.342
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>54.984.954.985</b>	<b>54.615.400.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		54.984.954.985	54.984.954.985
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(369.554.985)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>10.442.821.147</b>	<b>7.605.993.099</b>
131	1. Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	1.618.944.446	3.326.555.555
132	2. Trả trước cho người bán		1.915.263.000	-
133	3. Phải thu các bên liên quan	7	6.463.422.305	4.011.378.873
134	4. Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	8.1	3.688.076.905	3.528.555.682
135	5. Phải thu ngắn hạn khác		110.707.489	93.095.987
139	6. Dự phòng phải thu khó đòi	8.2	(3.353.592.998)	(3.353.592.998)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>274.956.529</b>	<b>531.522.016</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	140.509.722	512.447.222
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		134.446.807	19.074.794
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.225.745.244</b>	<b>1.469.423.550</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.225.745.244</b>	<b>1.392.496.910</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.225.745.244	1.392.496.910
222	Nguyên giá		4.649.634.065	4.709.247.065
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.423.888.821)	(3.316.750.155)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		2.190.541.483	2.190.541.483
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.190.541.483)	(2.190.541.483)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>76.926.640</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn khác		-	43.458.640
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	33.468.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>68.191.993.152</b>	<b>64.784.418.007</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.626.405.922</b>	<b>11.508.694.434</b>
<b>310</b>	<b>i. Nợ ngắn hạn</b>		<b>8.626.405.922</b>	<b>11.508.694.434</b>
312	1. Phải trả người bán	12	-	738.480.910
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	903.908.373	154.562.022
315	3. Phải trả người lao động	14	3.818.821.994	6.840.874.215
317	4. Phải trả các bên liên quan	15	3.372.941.982	3.011.215.264
319	5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	16	160.125.666	509.991.160
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	370.607.907	253.570.863
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18</b>	<b>59.565.587.230</b>	<b>53.275.723.573</b>
<b>410</b>	<b>i. Nguồn vốn</b>		<b>59.565.587.230</b>	<b>53.275.723.573</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		985.315.387	620.537.044
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		985.315.387	620.537.044
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		7.594.956.456	2.034.649.485
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>68.191.993.152</b>	<b>64.784.418.007</b>





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
006	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty	9.984.954.985	9.984.954.985
031	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	218.420.455.567	44.728.486.466
041	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	26.923.834.662.768	23.647.798.074.319
	Trong đó:		
	- Danh mục cổ phiếu	700.722.644.252	644.366.220.149
	- Danh mục trái phiếu	19.485.351.095.565	17.191.229.345.206
	- Tiền gửi có kỳ hạn	6.693.116.407.002	5.766.016.407.002
	- Đầu tư khác	44.644.515.949	46.186.101.962
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	1.146.634.750.506	1.098.486.046.402
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	(4.693.574.400.151)	(3.896.337.985.469)

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến  
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Đậu Minh Lâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014
01	1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	19	23.228.361.847	23.590.371.590
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần		23.228.361.847	23.590.371.590
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(5.155.616)	(18.469.430)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		23.223.206.231	23.571.902.160
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.613.417.065	2.904.394.358
22	7. Chi phí tài chính	22	369.554.985	-
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(16.080.782.183)	(15.726.160.464)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.125.396.098	10.750.136.054
31	10. Thu nhập khác		9.764.102	-
32	11. Chi phí khác		(15.701.616)	(7.737.451)
40	12. Lợi nhuận khác		(5.937.514)	(7.737.451)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.119.458.584	10.742.398.603
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(1.790.423.717)	(2.148.479.720)
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	(33.468.000)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.295.566.867	8.593.918.883

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến  
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Đào Minh Lâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

TÀI  
 CHI  
 CÔNG  
 H NH  
 NST  
 VIỆ  
 TẠI  
 KIẾ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ phí quản lý quỹ		20.689.149.292	22.442.240.298
02	Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.653.743.910)	(2.232.420.972)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(10.148.265.809)	(6.808.722.963)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(881.214.650)	(2.024.560.825)
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.356.851.026)	(4.871.705.568)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.350.926.103)</b>	<b>6.504.829.970</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		-	(284.020.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		250.000	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(40.000.000.000)	(12.000.000.000)
24	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		40.000.000.000	12.000.000.000
27	Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác		3.321.028.174	1.700.755.474
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>3.321.278.174</b>	<b>1.416.735.474</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(268.916.166)	(7.310.812.609)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(268.916.166)</b>	<b>(7.310.812.609)</b>

NHÂN  
 HỌ TÊN  
 CHỨC VỤ  
 & YC  
 CHỮ KÝ  
 VÀ CHỮ  
 ĐÓNG  
 CHỮ  
 M - T



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		701.435.905	610.752.835
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		562.079.342	560.917.053
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.263.515.247	1.171.669.888

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến  
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Đậu Minh Lâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2014	Ngày 01 tháng 01 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014		Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015		Ngày 30 tháng 06 năm 2014	Ngày 30 tháng 06 năm 2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	18	-	620.537.044	-	-	364.778.343	-	-	985.315.387
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	-	620.537.044	-	-	364.778.343	-	-	985.315.387
4. Lợi nhuận chưa phân phối	18	4.735.907.265	2.034.649.485	8.593.918.883	(7.918.355.942)	7.295.566.867	(1.735.259.896)	5.411.470.206	7.594.956.456
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>54.735.907.265</b>	<b>53.275.723.573</b>	<b>8.593.918.883</b>	<b>(7.918.355.942)</b>	<b>8.025.123.553</b>	<b>(1.735.259.896)</b>	<b>55.411.470.206</b>	<b>59.565.587.230</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến  
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Nguyễn Quang Tuấn  
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Đạ Minh Lâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. CÔNG TY**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt), là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2007, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ, theo đó:

- ▶ Tên của Công ty được đổi thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- ▶ Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 25 tỷ đồng Việt Nam lên 50 tỷ đồng Việt Nam; và
- ▶ Thành viên sáng lập của Công ty là Tập đoàn Bảo Việt.

Vào ngày 22 tháng 04 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 08/GPĐC\_UBCL, theo đó Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Ông Đạ Minh Lâm – Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên).

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

<u>Danh mục đầu tư / Quỹ đầu tư</u>	<u>Chủ sở hữu</u>	<i>Giá trị tài sản thuần tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 (VNĐ)</i>
<i>Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán:</i>		
Danh mục Bảo hiểm Bảo Việt	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	2.293.738.710.522
Danh mục Bảo Việt Nhân Thọ	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ ("Bảo Việt Nhân Thọ")	17.335.174.815.992
Danh mục Công ty Nhiệt điện Phả Lại	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	17.743.061.133
Danh mục Bảo Việt Tokio Marine	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	228.717.348.827
Danh mục từ nguồn Sản phẩm liên kết chung (UNV)	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	3.414.136.586.994
Danh mục của VINARE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE)	30.860.496.949
		<b>23.320.371.020.417</b>
<i>Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:</i>		
Quỹ đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED)		75.322.378.912
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>23.395.693.399.329</b>

Công ty có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. CÔNG TY (tiếp theo)**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 45 người (31 tháng 12 năm 2014: 42 người). Công ty có 13 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, chi tiết như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Vị trí công tác</i>
Nguyễn Phương Anh	00022/QLQ	04/02/2009	Giám đốc - Khối Phát triển kinh doanh
Nguyễn Đình Duy	000519/QLQ	29/01/2010	Phó phòng phụ trách phòng Nghiên cứu chiến lược
Nguyễn Tiến Hải	00423/QLQ	02/11/2009	Trưởng phòng Quản lý danh mục Lãi suất cố định
Phạm Lương Hoàng	00030/QLQ	04/02/2009	Phụ trách Kiểm soát nội bộ
Đặng Chí Nghĩa	00412/QLQ	11/08/2009	Phó Phòng Kế toán – Tài chính
Nguyễn Tuấn Phong	000528/QLQ	29/01/2010	Trưởng phòng Kinh doanh Lãi suất cố định
Nguyễn Minh Thanh	001177/QLQ	20/11/2014	Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu
Nguyễn Kim Thúy	00043/QLQ	04/02/2009	Giám đốc Đầu tư Lãi suất cố định – Khối các phòng đầu tư Lãi suất cố định
Đoàn Thu Trang	000534/QLQ	29/01/2010	Phòng giao dịch cổ phiếu
Trịnh Bích Ngọc	001169/QLQ	04/11/2014	Phó phòng phụ trách phòng đánh giá hoạt động và quản lý rủi ro
Nguyễn Ngọc Duyên	001167/QLQ	04/11/2014	Trưởng bộ phận quản trị Quỹ Phòng Tài chính – Kế toán
Vũ Thị Thanh Hồng	00055/QLQ	27/02/2009	Văn phòng đại diện
Lê Hứa Thúy Anh	001044/QLQ	28/11/2013	Văn phòng đại diện
Lê Đăng Khoa	001244/QLQ	10/04/2015	Văn phòng đại diện

VÀO  
 CHỈ M  
 CÔNG  
 NHII  
 IST  
 VIỆT  
 TẠI H  
 KIẾP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5);

Theo các quy định này, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
4. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ; và
5. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

05  
 HÁN  
 G TY  
 M H  
 Y  
 N  
 N  
 N  
 - 1



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 sửa đổi bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh nghiệp thuộc đối tượng lập báo cáo giữa niên độ được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC hoặc Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, Công ty lựa chọn áp dụng quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và các quy định như trình bày ở Thuyết minh 2.1 để lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

Giá trị vốn của các khoản chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới 12 tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên 3 tháng đến 12 tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn trên 12 tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được.

P.Đ  
 U. H. A.  
 J. N. G.  
 P. H. P.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

**3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

NỘI DUNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định**

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn tài chính tiếp theo:

- ▶ Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên

Loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn tài chính tiếp theo:

- ▶ Các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Lợi ích của nhân viên**

*Các khoản trợ cấp hưu trí*

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Công ty sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, hàng tháng Công ty sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 17% trên mức lương cơ bản của nhân viên (từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16% và trước 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Công ty không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc*

- ▶ *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc giai đoạn tài chính;
- ▶ *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

*Quỹ bảo hiểm thất nghiệp*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

**3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS 10”) và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

CHỈ  
 CỐ  
 H NI  
 NST  
 VIỆ  
 TAI  
 KIE



